TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS-ST
Ngày: 28-7-2023.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tuấn.
2. Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101B/2023/QĐXXST-DS ngày 15/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST-DS ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện c, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Bà Lê Thị U, sinh năm 1964.
Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện c, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T có mặt; bà U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Vào ngày 05/12/2028 âm lịch bà U có tham gia dây hụi do bà T làm đầu thảo, hụi 5.000.000 đồng, có 17 thành viên tham gia, hụi 02 tháng khui 01 lần, bà U tham gia 01 phần, bà U hốt hụi lần thứ 2, hốt hụi được 43.500.000 đồng. Bà U đóng hụi chết được 07 lần, còn lại 08 lần chưa đóng hụi chết với số tiền là 40.000.000 đồng.

- Vào ngày 30/12/2019 bà U có tham gia dây hụi do bà T làm đầu thảo, hụi 1.000.000 đồng, có 23 thành viên tham gia, hụi 01 tháng khui 01 lần. Bà U

hốt hụi lần thứ 7, bà U đóng hụi chết được 7 lần, còn lại 9 lần chưa đóng hụi chết với số tiền là 9.000.000 đồng.

- Vào khoảng tháng 3/2020 bà U có mượn của bà T số tiền 3.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả cho bà T. Tổng cộng bà U còn nợ tiền hụi và tiền mượn của bà T với số tiền 52.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà U trả nợ cho bà T nhưng bà U không trả và sự việc được chính quyền địa phương giải quyết vào ngày 01/6/2020 nhưng bà U vẫn không đồng ý trả cho số tiền còn nợ cho bà T với lý do bà T xúc phạm danh dự của bà U, nên bà U yêu cầu bà T bồi thường danh dự cho bà U thì bà U mới trả tiền cho bà T, do đó việc hòa giải không thành.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị U trả cho bà T số tiền còn nợ tổng cộng là 52.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị U: đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Giấy CMND và SHK của chị T (photo).
- Biên bản về việc chơi hụi (bản chính).
- Tờ giao hụi ngày 30/12/2020 (bản chính).
- Giấy hùn vốn hụi (photo).
- Biên bản hòa giải ngày 01/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã E (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị U trả cho bà T số tiền nợ hụi 49.000.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng. Ngoài ra các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có địa chỉ ở ấp D, xã E, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Lê Thị U đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà U theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị U trả cho bà T số tiền nợ hụi 49.000.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Bà U có tham gia 02 dây hụi do bà T làm đầu thảo, dây hụi thứ nhất khui ngày 05/12/2028 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, có 17 thành viên tham gia, hụi 02 tháng khui 01 lần, bà U tham gia 01 phần, bà U hốt hụi lần thứ 2, hốt hụi được 43.500.000 đồng, bà U đóng hụi chết được 07 lần, còn lại 08 lần chưa đóng hụi chết với số tiền là 40.000.000 đồng và dây hụi thứ hai khui ngày 30/12/2019 bà U có tham gia dây hụi do bà T làm đầu thảo, hụi 1.000.000 đồng, có 23 thành viên tham gia, hụi 01 tháng khui 01 lần, bà U hốt hụi lần thứ 7, bà U đóng hụi chết được 7 lần, còn lại 9 lần chưa đóng hụi chết với số tiền là 9.000.000 đồng, tổng cộng bà U còn nợ bà T số tiền hụi chết của hai dây hụi trên với số tiền 49.000.000 đồng.

[4.2] Vào khoảng tháng 3/2020 bà U có mượn của bà T số tiền 3.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả cho bà T.

[4.3] Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà U trả nợ cho bà T nhưng bà U không trả nên bà T đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E giải quyết. Ngày 01/6/2020 Ủy ban nhân dân xã E mời các bên đương sự lên giải quyết vụ việc, tại buổi hòa giải bà T yêu cầu bà U trả cho bà T số tiền còn nợ là 52.000.000 đồng (bao gồm tiền vay và tiền hụi) nhưng bà U không đồng ý trả số tiền còn nợ cho bà T với lý do bà T xúc phạm danh dự của bà U, nên bà U yêu cầu bà T bồi thường danh dự cho bà U thì bà U mới trả tiền cho bà T. Bà U không có ý kiến phản bác hay phủ nhận số tiền còn nợ bà T mà chỉ yêu cầu bà T bồi thường danh dự cho bà U thì bà U đồng ý trả số tiền còn nợ cho bà T từ đó cho thấy bà U còn nợ bà T số tiền 52.000.000 đồng là có thật và đến nay bà U vẫn chưa trả số tiền còn nợ cho bà T.

Như vậy, bà U còn nợ bà T số tiền hụi chết của hai dây hụi trên với số tiền 49.000.000 đồng và số tiền vay còn nợ 3.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nay bà T yêu cầu bà U phải trả cho bà T số tiền hụi chết của hai dây hụi trên với số tiền 49.000.000 đồng và số tiền vay còn nợ 3.000.000 đồng, tổng cộng 52.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng bà U vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời bà U cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng

dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Từ những phân tích nêu trên, việc bà U còn nợ bà T số tiền vay 3.000.000 đồng và tiền nợ hụi 49.000.000 đồng, tổng cộng 52.000.000 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó buộc bà Lê Thị U phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ 52.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì bà U phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bà Lê Thị U trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay còn nợ 3.000.000 đồng và tiền nợ hụi 49.000.000 đồng, tổng cộng 52.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Lê Thị U phải chịu 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 1.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008496 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc